

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Thuận.

Ông Võ Văn Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Bích T, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Số nhà 69/2/24A đường Nguyễn Ngọc C, phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Thanh T, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số nhà 339/7 ấp 7, xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà T có mặt, ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình xét xử, bà Trần Thị Bích Trăm là nguyên đơn trình bày:* Bà và ông Đặng Thanh T được tổ chức lễ cưới năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 06/6/2013.

Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Đặng Thanh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Đặng Trần Minh Đ, sinh ngày 03/10/2013, hiện nay con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết vợ chồng không có nợ chung.

*Ông Đặng Thanh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Trần Thị Bích T xin ly hôn với ông Đặng Thanh T, việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết. Ông Đặng Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên cần áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Đặng Thanh T.

[2] Bà Trần Thị Bích T và ông Đặng Thanh T được tổ chức lễ cưới năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 06/6/2013, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3] Qua lời khai trình của bà Trần Thị Bích T và các chứng cứ nguyên đơn xuất trình, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T, ông T đã phát sinh mâu thuẫn, hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay, nhưng không hàn gắn đoàn tụ lại được. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với ông T. Ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không hợp tác giải quyết việc hôn nhân của các đương sự. Xét thấy giữa hai đương sự đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà Trần Thị Bích T được ly hôn với ông Đặng Thanh T, theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về nuôi con chung: Hai đương sự có với nhau một người con chung tên Đặng Trần Minh Đ, sinh ngày 03/10/2013, hiện nay con chung do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục giữ nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng của con chung hai đương sự nên chấp nhận. Ông T vắng mặt nên không có ý kiến về nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp

đưỡng nuôi con, theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Bà T khai trình không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T cam kết không có nợ chung, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Đặng Thanh T không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Bích T được ly hôn với ông Đặng Thanh T.
2. Về nuôi con chung: Khi ly hôn, bà Trần Thị Bích T được giao giữ nuôi con chung tên Đặng Trần Minh Đ, sinh ngày 03/10/2013, đến tuổi trưởng thành. Ông Đặng Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con, được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền xin thay đổi tình trạng nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí: Bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Cho chuyển số tiền tạm ứng án phí bà Trâm đã nộp là 300.000 đồng sang tiền án phí phải thi hành, theo biên lai thu số 0007690 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***\*Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Phước Tân Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Thái**